TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **111**/2021/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 23 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Bà: **Nguyễn Thị Kiều H,** sinh năm: 1990; Nơi ĐKHKTT: Tổ 13B phường P, quận S, Tp Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Tổ 71 phường H, quận C, Thành phố Đà Nẵng.

+ Ông: **Nguyễn Đại N**, sinh năm: 1980; Trú tại: Tổ 13B phường P, quận S, Tp Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận S, Tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 08/2013 cấp ngày 31/01/2013. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H xác định: Trong quá trình chung sống với nhau, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của cả hai không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, xích mích nhau. Ông bà đã sống ly thân từ 02 năm nay, không ai quan tâm gì đến ai. Nay ông bà xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nữa, vì vậy ông bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông N và bà H lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông N và bà H đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông N và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông N và bà H là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H xác định có 01 con là: Nguyễn Thanh N- Sinh ngày: 02/6/2013. Ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con cho ông Nguyễn Đại N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà Nguyễn Thị Kiều H không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật

hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 6834 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Đại N** và bà **Nguyễn Thị Kiều H.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 08/2013, do Ủy ban nhân dân phường P, quận S, Tp Đà Nẵng cấp ngày 31/01/2013 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H xác định có 01con là: Nguyễn Thanh N- Sinh ngày: 02/6/2013. Ly hôn, ông bà thỏa

thuận giao con cho ông Nguyễn Đại N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, bà Nguyễn Thị Kiều H không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H xác định không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Nguyễn Đại N và bà Nguyễn Thị Kiều H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 6834 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND P. P, Q. S, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trâm